

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

4. Trương Quốc Uyên

Sinh thời Bác Hồ dạy bảo học sinh và sinh viên Việt Nam học tập tại các trường đào tạo cán bộ thể dục thể thao

6. Trương Anh Tuấn; Nguyễn Tôn Hoài

Một số suy nghĩ về phát triển Thể dục thể thao người khuyết tật

BÀI BÁO KHOA HỌC

9. Nguyễn Văn Phúc

Xác định các thành tố cấu thành mô hình giảm thiểu rủi ro trong hoạt động thể dục thể thao

13. Đỗ Hữu Trường; Nguyễn Thị Thảo Mai

Đánh giá thực trạng hoạt động các môn thể thao mạo hiểm của vùng Trung du và miền núi Bắc bộ

16. Nguyễn Cẩm Ninh; Phạm Thế Vượng

Thực trạng hoạt động đào tạo cử nhân Thể dục thể thao ngành Quản lý Thể dục thể thao Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

21. Nguyễn Văn Hòa

Thực trạng biện pháp quản trị rủi ro trong hoạt động liên kết Giáo dục Quốc phòng và An ninh tại Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

25. Cao Ngọc Thành

Lựa chọn và ứng dụng các bài tập hỗ trợ nâng cao hiệu quả kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân cho nam sinh viên khối không chuyên Trường Đại học Hồng Đức

30. Hồ Như Tùng

Thực trạng hoạt động của câu lạc bộ Cờ vua tại các trường tiểu học trên địa bàn thành phố Sơn La

35. Lê Trung Kiên

Lựa chọn và ứng dụng bài tập phát triển sức mạnh tốc độ cho nam sinh viên Câu lạc bộ Bóng rổ Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên

39. Nguyễn Hoài Phương

Nghiên cứu tiêu chuẩn đánh giá khả năng di chuyển trong môn Đá cầu của nam sinh viên ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

43. Nguyễn Ngọc Bích

Thực trạng và nhu cầu tập luyện thể dục thể thao ngoại khóa của học sinh các trường Trung học phổ thông tỉnh Thái Nguyên

48. Nguyễn Duy Hùng; Dương Thái Bình

Lựa chọn và ứng dụng bài tập nâng cao tốc độ di chuyển trong môn Cầu lông cho nam sinh viên không chuyên ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Hồng Đức

52. Đậu Thị Lợi; Nguyễn Danh Bắc

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá năng lực bơi phổ cập của học sinh 9-10 tuổi Câu lạc bộ Bơi Trung tâm Thể thao Ba Đình, Hà Nội

57. Phạm Đức Thạch; Dương Văn Dũng

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng và kết quả học tập thực hành kỹ thuật nhảy xa ưỡn thân của sinh viên ngành Giáo dục thể chất – Đại học Huế

60. Ngô Hải Hưng; Ngô Trung Dũng

Thực trạng công tác đánh giá trình độ tập luyện của vận động viên Cầu lông Đội tuyển quốc gia tại Trung tâm Đào tạo vận động viên, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

65. Nguyễn Ngọc Minh

Lựa chọn bài tập cải thiện sức khỏe hậu Covid-19 cho sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội

70. Vũ Thành Long; Trương Đức Thăng; Nguyễn Thị Thu Hiền; Ngô Thị Anh

Đặc điểm chấn thương vùng/ bộ phận cơ thể thường gặp ở vận động viên Cầu lông các Đội tuyển quốc gia

74. Lê Thị Uyên Phương; Huỳnh Văn Minh; Nguyễn Phan Bảo Thành; Nguyễn Thị Diễm Thương; Trần Thị Thùy Linh

Đánh giá dịch tễ học bệnh tăng huyết áp độ 1 ở người cao tuổi tại thành phố Huế

TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT

78. Minh Đức

Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh – Giai đoạn hình thành và xây dựng

80. Thể lệ viết và gửi bài.

THEORY AND PRACTICE OF SPORTS

4. Truong Quoc Uyen

During Uncle Ho's time, he taught Vietnamese students to study at schools training sports officials

6. Truong Anh Tuan; Nguyen Ton Hoai

Some thoughts on sports development for people with disabilities

ARTICLES

9. Nguyen Van Phuc

Identify the components that make up the risk mitigation model in sports activities

13. Do Huu Truong; Nguyen Thi Thao Mai

Assessing the current status of adventure sports activities in the Northern Midlands and Mountains region

16. Nguyen Cam Ninh; Pham The Vuong

Current status of training activities for Bachelor of Sports in Sports Management major at Bac Ninh Sports University

21. Nguyen Van Hoa

Current status of risk management measures in joint activities of National Defense and Security Education at the Center for National Defense and Security Education, Bac Ninh Sports University

25. Cao Ngoc Thanh

Selecting and applying supplementary exercises to improve the effectiveness of soccer kicking technique with the soles of the feet for non-specialized male students at Hong Duc University

30. Ho Nhu Tung

Current status of Chess clubs at primary schools in Son La City

35. Le Trung Kien

Selecting and applying exercises to develop strength and speed for male students of the Basketball Club at the University of Sciences - Thai Nguyen University

39. Nguyen Hoai Phuong

Research on standards for assessing movement ability in shuttlecock of male students majoring in Physical Education at Hanoi University of Education

43. Nguyen Ngoc Binh

Current status and needs of extracurricular physical training and sports of students in high schools in Thai Nguyen province

48. Nguyen Duy Hung; Duong Thai Binh

Selecting and applying exercises to improve movement speed in Badminton for male students not majoring in Physical Education at Hong Duc University

52. Dau Thi Loi; Nguyen Danh Bac

Developing standards for assessing universal swimming ability of 9-10 year old students at the Swimming Club of Ba Dinh Sports Center, Hanoi

57. Pham Duc Thach; Duong Van Dung

The current status of influencing factors and learning outcomes of practicing the long jump technique of students in Physical Education major - Hue University

60. Ngo Hai Hung; Ngo Trung Dung

Status of assessment of training level for Badminton athletes of the National Team at the Athlete Training Center, Bac Ninh Sports University

65. Nguyen Ngoc Minh

Choosing exercises to improve health after Covid-19 for students of Hanoi National University

70. Vu Thanh Long; Truong Duc Thang; Nguyen Thi Thu Hien; Ngo Thi Anh

Characteristics of injuries to common areas/body parts in Badminton athletes of the National Teams

74. Le Thi Uyen Phuong; Huynh Van Minh; Nguyen Phan Bao Thanh; Nguyen Thi Diem Thuong; Tran Thi Thuy Linh

Epidemiological assessment of grade 1 hypertension in the elderly in Hue city

NEWS - EVENTS AND PEOPLE

78. Minh Duc

Bac Ninh Sports University– Foundation and construction phase

80. Rules of writing and posting.

XÁC ĐỊNH CÁC THÀNH TỐ CẤU THÀNH MÔ HÌNH GIẢM THIỂU RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC THỂ THAO

Nguyễn Văn Phúc⁽¹⁾

Tóm tắt:

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, tác giả xác định được 6 thành tố cơ bản cấu thành mô hình giảm thiểu rủi ro trong hoạt động TDTT và xác định 17 yếu tố thành phần trong từng thành tố làm căn cứ xây dựng mô hình giảm thiểu rủi ro trong hoạt động TDTT tại Việt Nam.

Từ khóa: Thành tố, mô hình giảm thiểu rủi ro, hoạt động TDTT.

Identify the components that make up the risk mitigation model in sports activities

Summary:

Based on an overview of theoretical and practical research, we have identified 6 basic elements that make up the risk reduction model in sports activities, and on that basis, identified 17 component elements in each element, as a basis for building a model to minimize risks in sports activities in Vietnam.

Keywords: Elements, models, risk mitigation models, sports activities.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thành tố được hiểu là yếu tố trực tiếp tạo nên một chỉnh thể. Thành tố cấu thành mô hình giảm thiểu rủi ro trong hoạt động TDTT được hiểu là các yếu tố trực tiếp tạo nên mô hình giảm thiểu rủi ro trong hoạt động TDTT, tức là cấu trúc hay một sơ đồ mô tả đặc điểm, diễn biến của quá trình quản trị rủi ro trong hoạt động TDTT.

Để quản trị rủi ro trong hoạt động TDTT trước tiên cần nhận dạng được các hiểm họa, các loại rủi ro trong hoạt động TDTT; kế đó cần đánh giá được rủi ro; Từ kết quả đánh giá rủi ro, tiến hành phân tích các công cụ kiểm soát rủi ro và lựa chọn các công cụ kiểm soát rủi ro; Sau đó tiến đến quyết định kiểm soát rủi ro; thực hiện kiểm soát rủi ro và giám sát, đánh giá quá trình kiểm soát rủi ro. Để xây dựng một mô hình giảm thiểu rủi ro trong hoạt động TDTT cần tiếp cận từ quan điểm quản trị tốt các hiểm họa, rủi ro có thể phát sinh, trên cơ sở đó, hạn chế tối đa tác hại của rủi ro tới tổ chức, hoạt động.

Hoạt động TDTT là hoạt động liên kết đa ngành, đa nghề, đa lĩnh vực nên ngoài hoạt động tập luyện TDTT, hoạt động TDTT còn chịu ảnh hưởng rủi ro từ nghiên cứu ngành, nghề, lĩnh vực khác nhau có liên quan nên việc quản trị rủi ro

và xây dựng mô hình giảm thiểu rủi ro trong hoạt động TDTT là vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, trên thực tế vấn đề này tại Việt Nam lại chưa được quan tâm nghiên cứu.

Để có căn cứ xây dựng mô hình giảm thiểu rủi ro trong hoạt động TDTT tại Việt Nam, xác định các thành tố cấu thành mô hình là vấn đề cần thiết và cấp thiết, có ý nghĩa thực tiễn cao.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi đã sử dụng các phương pháp sau: Phân tích và tổng hợp tài liệu, quan sát sự phạm, phương pháp phỏng vấn, phương pháp toán học thống kê.

Nghiên cứu được tiến hành năm 2022.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Xác định các thành tố cấu thành mô hình giảm thiểu rủi ro trong hoạt động TDTT

Tiến hành xác định các thành tố cấu thành mô hình giảm thiểu rủi ro trong hoạt động TDTT thông qua phân tích các tài liệu có liên quan, phỏng vấn trực tiếp các chuyên gia quản lý TDTT các cấp, nghiên cứu đã xác định được 21 thành tố thuộc 6 nhóm thành tố trong giảm thiểu rủi ro trong hoạt động TDTT.

Từ các thành tố được xác định qua tham khảo tài liệu và phỏng vấn trực tiếp các chuyên

⁽¹⁾PGS.TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh; Email: nguyenvanphuchn@gmail.com

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn xác định thành tố cấu thành mô hình giảm thiểu rủi ro trong hoạt động Thể dục thể thao (n=26)

Mã	Nhóm thành tố	Thành tố	Kết quả	
			Tổng điểm	Điểm TB
TT1.1	TT1. Nhận dạng hiểm họa	Phân tích nhiệm vụ / công việc / hoạt động	113	4.35
TT1.2		Liệt kê các hiểm họa có thể xảy ra	113	4.35
TT1.3		Liệt kê các nguyên nhân dẫn tới hiểm họa	109	4.19
TT1.4		Liệt kê các cách khắc phục hiểm họa có thể tiến hành	69	2.65
TT2.1	TT2. Đánh giá rủi ro	Đánh giá các yếu tố mạo hiểm	115	4.42
TT2.2		Đánh giá mức độ nghiêm trọng	108	4.15
TT2.3		Đánh giá khả năng tổn thất	110	4.23
TT2.4		Hoàn tất quá trình đánh giá	109	4.19
TT3.1	TT3. Phân tích các công cụ kiểm soát rủi ro	Nhận dạng các phương án kiểm soát	116	4.46
TT3.2		Xác định các ảnh hưởng của kiểm soát	111	4.27
TT3.3		Xác định chi phí kiểm soát	80	3.08
TT3.4		Xếp thứ tự các công cụ kiểm soát rủi ro.	115	4.42
TT4.1	TT4. Quyết định kiểm soát	Lựa chọn công cụ kiểm soát	107	4.12
TT4.2		Các quyết định về rủi ro	109	4.19
TT4.3		Các giải pháp kiểm soát	77	2.96
TT5.1	TT5. Thực hiện kiểm soát	Xác lập quy trình thực hiện kiểm soát	105	4.04
TT5.2		Thiết lập trách nhiệm giải trình	113	4.35
TT5.3		Cung cấp hỗ trợ	112	4.31
TT6.1	TT6. Giám sát và đánh giá	Giám sát	107	4.12
TT6.2		Đánh giá	114	4.38
TT6.3		Rút kinh nghiệm	79	3.04

gia, để xác định được các thành tố phù hợp nhất cấu thành mô hình giảm thiểu rủi ro trong hoạt động TDTT, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn bằng phiếu hỏi với 26 chuyên gia trong lĩnh vực TDTT, đặc biệt là các chuyên gia về quản lý TDTT. Phỏng vấn được tiến hành bằng thang đo Likert 5 mức tương ứng từ rất phù hợp tới rất không phù hợp. Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy: Theo nguyên tắc phỏng vấn đặt ra, chúng tôi xác định được 17 thành tố thuộc 6 nhóm thành tố cấu thành mô hình giảm thiểu rủi ro trong hoạt động TDTT có điểm trung bình kết quả phỏng vấn đạt từ 3.41 điểm

trở lên và được lựa chọn. Cụ thể gồm:

TT1. Nhóm thành tố nhận dạng hiểm họa: TT1.1, TT1.2 và TT1.3.

TT2. Nhóm thành tố đánh giá rủi ro: TT2.1, TT2.2, TT2.3, TT2.4.

TT3. Nhóm thành tố phân tích các công cụ kiểm soát rủi ro: TT3.1, TT3.2 và TT3.4.

TT4. Nhóm các thành tố quyết định kiểm soát: TT4.1 và TT4.2.

TT5. Nhóm các thành tố thực hiện kiểm soát: TT5.1, TT5.2 và TT5.3.

TT6. Nhóm các thành tố giám sát và đánh giá: TT6.1 và TT6.2.

Các thành tố còn lại vì có điểm phỏng vấn

nhỏ hơn 3.41 điểm nên bị loại theo nguyên tắc phỏng vấn đặt ra.

2. Kiểm nghiệm các thành tố cấu thành mô hình giảm thiểu rủi ro trong hoạt động TDTT

Song song với việc phỏng vấn xác định các thành tố, chúng tôi tiến hành xác định độ tin cậy nội tại của các thành tố bằng hệ số Cronbach's Alpha. Theo quy ước của De Vellis (1991) thì một tập hợp các mục hỏi dùng để đo lường được đánh giá tốt phải có hệ số α của Cronbach ≥ 0.8 và hệ số tương quan tổng giữa các mục hỏi (Corrected Item – Total Correlation) phải >0.3 . Các mức giá trị của Alpha: lớn hơn 0,8 là thang đo lường tốt; từ 0,7 đến 0,8 là sử dụng được; từ 0,6 trở lên là có thể sử dụng trong trường hợp

khái niệm nghiên cứu là mới hoặc là mới trong bối cảnh nghiên cứu (Nunally, 1978; Peterson, 1994; Slater, 1995; dẫn theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2005). Chính vì vậy, trong quá trình nghiên cứu, nếu hệ số Cronbach's Alpha <0.80 hoặc hệ số tương quan của biến thành phần với biến tổng <0.30 , chúng tôi sẽ tiến hành loại biến rác và kiểm tra lại hệ số Cronbach's Alpha tổng sau khi loại biến. Kết quả cho thấy các tiêu chí lựa chọn đã bảo đảm yêu cầu.

Sau khi tiến hành kiểm định độ tin cậy nội tại của các thành tố bằng hệ số Cronbach's Alpha, chúng tôi tiến hành kiểm tra xem mô hình lý thuyết (đã xây dựng theo từng nhóm thành tố) có phù hợp với thực tế không bằng

Bảng 2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá của các nhóm thành tố cấu thành mô hình giảm thiểu rủi ro trong hoạt động TDTT

KMO and Bartlett's Test						
Hệ số KMO (tổng)					0.728	
Bartlett's Test of Sphericity			Approx. Chi-Square		210,809	
			Df (Số lượng mục phân tích)		18	
			Sig.		0	
Total Variance Explained (hệ số giải thích của các nhân tố)						
Nhóm	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings		
	Tổng	% phương sai	% tích lũy	Hệ số tải nhân tố	% phương sai	% tích lũy
1	2,335	41,692	41,692	2,327	41,692	41,692
2	0.994	17,000	56.78			
3	0.982	14,878	66.57			
4	0.759	11,179	81,749			
5	0.56	9,204	92,953			
6	0.352	6,047	100			
Component Matrix ^a (Tổng phương sai trích)						
						Component
						1
TT1. Nhóm thành tố nhận dạng hiểm họa						0.744
TT2. Nhóm thành tố đánh giá rủi ro						0.736
TT3. Nhóm thành tố phân tích các công cụ kiểm soát rủi ro						0.723
TT4. Nhóm các thành tố quyết định kiểm soát						0.691
TT5. Nhóm các thành tố thực hiện kiểm soát						0.634
TT6. Nhóm các thành tố giám sát và đánh giá						0.695



Hoạt động TDDT là hoạt động liên kết đa ngành, đa nghề, đa lĩnh vực nên ngoài hoạt động tập luyện TDDT, hoạt động TDDT còn chịu ảnh hưởng rủi ro từ nhiều ngành, nghề, lĩnh vực khác nhau nên việc quản trị rủi ro là vô cùng cần thiết

phương pháp phân tích nhân tố khám phá (Sử dụng kiểm định KMO trong phân tích EFA). Nếu các thành tố đưa vào từng nhóm phù hợp và có quan hệ tuyến tính, chúng tôi sẽ giữ nguyên các thành tố thuộc từng nhóm (thể hiện ở $0.5 \leq KMO \leq 1.00$ và $SIG < 0.05$). Nếu hệ số tải nhân tố của các biến thành phần < 0.50 , chúng tôi sẽ loại dần từng biến và tiến hành phân tích nhân tố lại để đạt được mô hình chuẩn nhất. Kết quả cụ thể được trình bày tại bảng 2.

Qua bảng 2 cho thấy: Các thành tố xây dựng mô hình giảm thiểu rủi ro trong hoạt động TDDT đã xây dựng hoàn toàn phù hợp khi được kiểm định thực tế, thể hiện ở Hệ số KMO = 0.728, thỏa mãn yêu cầu $0.5 \leq KMO \leq 1.00$ ở ngưỡng $SIG < 0.001$. Hệ số tải nhân tố = 2.327 > 1.00 và tổng phương sai trích đạt từ 0.634 tới 0.744, thỏa mãn yêu cầu trong khoảng từ 0.5 tới 1.00.

KẾT LUẬN

Quá trình nghiên cứu lựa chọn 17 thành tố thuộc 6 nhóm thành tố trong mô hình giảm thiểu rủi ro trong hoạt động TDDT gồm:

TT1. Nhóm thành tố nhận dạng hiểm họa: 03 thành tố.

TT2. Nhóm thành tố đánh giá rủi ro: 04 thành tố.

TT3. Nhóm thành tố phân tích các công cụ kiểm soát rủi ro: 03 thành tố.

TT4. Nhóm các thành tố quyết định kiểm soát: 02 thành tố.

TT5. Nhóm các thành tố thực hiện kiểm soát: 03 thành tố.

TT6. Nhóm các thành tố giám sát và đánh giá: 02 thành tố.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Đình Bẩm (2003), *Quản lý chuyên ngành Thể dục Thể thao, Tài liệu chuyên khảo dành cho hệ cao học và đại học TDDT*, Nxb TDDT, Hà Nội.

2. *Hệ thống quản lý rủi ro theo tiêu chuẩn ISO 31000 – Nội dung cơ bản và hướng dẫn áp dụng*, Nxb Hồng Đức, 2018.

3. Tiêu chuẩn Việt Nam TCVNISO31000 :2011, Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 31000:2011 về Quản lý rủi ro – Nguyên tắc và hướng dẫn.

(Bài nộp ngày 20/3/2024, phản biện ngày 13/5/2024, duyệt in ngày 20/6/2024)



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

ISSN 1859-4417

Số 3 -2024
(82)

